TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Số: 206/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Đông Anh, ngày 10 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 199x

Cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố H.

Và anh Lê Văn L, sinh năm 199x

Cư trú tại: Thôn T, xã K, huyện Đ, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn ngày 20/10/201x tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn T, xã K, huyện Đ, Thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 1/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp. Chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã H, huyện Đ, Thành phố H sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị T, anh L cùng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể khắc phục được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Tòa án tiến hành hòa giải theo hướng đoàn tụ nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế chị T và anh L đã sống ly thân nhiều năm. Việc thuận tình ly hôn của chị T và anh L là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L cùng xác định vợ chồng không có con chung.

[3] Về Tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L thỏa thuận để anh L chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L không có con chung.

Về tài sản chung, công sức chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn L thống nhất tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2017/0008547 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, anh L đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- UBND xã H, huyện Đ, T.p H (Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2014, quyển số 01/2014 ngày 20/10/201x);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)